TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 333/2023/TLST– HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2023/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Tạ Thị S, sinh năm 1993; thường trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: anh Phạm Văn N, sinh năm 1991; thường trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: số B L, tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Tạ Thị S và anh Phạm Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2917 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Việc kết hôn của chị S và anh N là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống với nhau hạnh phúc được một thời gian cho đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên đánh bạc, dẫn đến nợ nần, mặc dù chị S nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, chị S xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thiên Â, sinh ngày 12/9/2017. Trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu Â sinh sống cùng với chị S. Quá trình tố tụng, chị S yêu cầu trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Tạ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn N:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh N có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S nhưng anh N không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh N tham gia hòa giải vào ngày 28/11/2023 nhưng anh N vắng mặt không có lý do, đồng thời chị S có yêu cầu từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh N tham gia phiên tòa vào ngày 29/12/2023 và ngày 19/01/2024 nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị S được xem xét trên cơ sở chứng cứ do chị S cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 29/12/2023 và ngày 19/01/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Tạ Thị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn N đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Tạ Thị S và anh Phạm Văn N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 23/01/2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị S xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do anh N thường xuyên đánh bạc dẫn đến nợ nần, mặc dù chị S đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay, chị S xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh N đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh N không đến. Điều này chứng tỏ bản thân anh N cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn chị S xác định không còn tình cảm với anh N. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thiên Â, sinh ngày 12/9/2017. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng anh N không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa trong thời gian vợ chồng ly thân thì cháu Â đều do chị S nuôi dưỡng. Do đó, chị S yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: chị Tạ Thị S tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Tạ Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị S. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Tạ Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị S về việc ly hôn, nuôi con với anh Phạm Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Tạ Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn N (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2017 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/01/2017).

- Về con chung: anh Phạm Văn N có trách nhiệm giao con chung là cháu Phạm Thiên Â, sinh ngày 12/9/2017 cho chị Tạ Thị S tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tạ Thị S không yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Phạm Văn N có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Tạ Thị S không có quyền cản trở anh Phạm Văn N thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Tạ Thị S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Tạ Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006827 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy